

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI THỦ ĐÔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **989** /2025/CV-TĐ

Hà nội, ngày **12** tháng **11** năm 2025

V/v Công khai giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội tại dự án Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh).

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội Thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;
- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; Nghị định số 261/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ và quy định chi tiết và biện pháp thi hành nghị quyết 201/2025/QH15.
- Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;
- Căn cứ hồ sơ xây dựng giá bán, giá cho thuê được Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô lập theo quy định pháp luật;
- Căn cứ kết quả thẩm tra của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng theo Báo cáo số 3294/VKT-BĐS ngày 10/11/2025 về việc thẩm tra giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội tại dự án Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh);
- Căn cứ Quyết định số: 21/2025/QĐ-TĐ, ngày 11/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô tại về việc phê duyệt giá bán, giá cho thuê Nhà ở xã hội Dự án Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh);
- Căn cứ các tài liệu khác có liên quan.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô - Chủ đầu tư nhà ở xã hội thuộc Dự án, trân trọng đề nghị Quý Sở thực hiện công khai giá bán nhà ở xã hội theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định 192/2025/NĐ-CP, nhằm phục vụ cho hoạt động tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê nhà ở xã hội tại dự án.



1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Khu nhà ở xã hội tại Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh).
- Tên giao dịch thương mại: EcoHome Sông Thương 2.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô
- Địa điểm xây dựng dự án:
Lô đất OXH tại Khu đất B4-1, B4-2 Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh).
- Tổng số căn hộ nhà ở xã hội: 467 căn (*dự kiến gồm 361 căn để bán và 106 căn để cho thuê*).

2. Nguyên tắc và phương pháp xác định giá bán NOXH áp dụng đối với dự án

Giá bán nêu trên được xác định trên cơ sở pháp lý đang áp dụng cho dự án và các quy định pháp luật hiện hành, phương pháp xác định giá căn cứ theo hướng dẫn tại Nghị định 100/2024/NĐ-CP ngày 26/07/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị quyết 201/2025/QH15 ngày 29/05/2025 của Quốc hội về thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; Nghị định 192/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội, trong đó:

- Giá bán nhà ở xã hội theo phương án giá Chủ đầu tư xây dựng đã bao gồm toàn bộ các chi phí đầu tư xây dựng công trình nhà ở xã hội và các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Lợi nhuận định mức trong phương án xác định giá bán Chủ đầu tư đề xuất tối đa 10% tổng vốn đầu tư xây dựng được phân bổ cho phần diện tích nhà ở xã hội để bán.
- Hệ số điều chỉnh giá bán đối với phần diện tích tại vị trí thứ i, điều chỉnh bảo đảm bình quân gia quyền theo diện tích nhà ở của một khối nhà $K_i = 1$.
- Chi phí đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật được phân bổ cho nhà ở xã hội theo tỷ lệ diện tích đất ở dành cho nhà ở xã hội trong tổng diện tích đất ở của dự án.

3. Giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội

3.1. Giá bán nhà ở xã hội:

- Giá bán nhà ở xã hội (trước khi điều chỉnh hệ số tại vị trí thứ i (K_i):
18.562.210 đồng/m² sử dụng (*Bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm mười đồng trên một mét vuông sử dụng*). Đơn giá trên đã bao gồm Thuế Giá trị gia tăng (VAT) và chưa bao gồm kinh phí bảo trì.
- Giá bán được điều chỉnh theo vị trí căn hộ bởi hệ số K_i đảm bảo nguyên tắc lợi nhuận thu được không vượt quá lợi nhuận định mức tính cho dự án.

3.2. Giá cho thuê ở xã hội:

- Giá thuê ở xã hội: **125.013 đồng/m²/tháng** (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm nghìn không trăm mười ba đồng trên một mét vuông trên tháng*). Đơn giá thuê đã bao gồm Thuế Giá trị gia tăng (VAT) và đã bao gồm kinh phí bảo trì.

4. Cam kết của Chủ đầu tư

- Theo quy định khoản 3 điều 8 Nghị quyết 201/2025/QH15, khoản 1, khoản 2, khoản 4 điều 13 Nghị định 192/2025/NĐ-CP, sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng, trong vòng 180 ngày, Chủ đầu tư thực hiện kiểm toán nhà nước hoặc kiểm toán độc lập, quyết toán chi phí đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan và gửi 01 bộ hồ sơ kiểm toán, quyết toán đến Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra giá bán nhà ở xã hội. Trường hợp giá bán nhà ở xã hội theo kiểm toán, quyết toán cao hơn giá bán nhà ở xã hội do Chủ đầu tư đã ký hợp đồng thì Chủ đầu tư không được thu thêm phần chênh lệch của người mua nhà ở xã hội; trường hợp thấp hơn thì Chủ đầu tư phải hoàn trả lại phần chênh lệch cho người mua nhà ở xã hội.
- Hoàn thành dự án theo đúng tiến độ được duyệt.
- Thực hiện báo cáo tình hình triển khai thực hiện Dự án và tình hình kinh doanh bất động sản tại Dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Đề nghị

Để bảo đảm việc công bố thông tin minh bạch theo Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ, kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh công khai thông tin giá bán nhà ở xã hội nêu trên trên Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty cam kết tiếp tục hoàn thiện thủ tục và triển khai dự án đúng quy định pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Công Tường

Hồ sơ gửi kèm:

1. Quyết định phê duyệt giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội (01 bản chính);
2. Hồ sơ tính giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội đã được thẩm tra (01 bộ);
3. Kết quả thẩm tra của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng theo Báo cáo số 3294/VKT-BDS ngày 11/11/2025 về việc thẩm tra giá bán, giá cho thuê nhà ở xã hội tại dự án Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh) – (01 bản chính).

PHỤ LỤC 01: BẢNG GIÁ BÁN CÁC CĂN HỘ NHÀ Ở XÃ HỘI TÒA NOXH
DỰ ÁN KHU NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI KHU SỐ 1 THUỘC KHU ĐÔ THỊ CẠNH TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHỆ VIỆT- HÀN, XÃ DĨNH TRÌ,
THÀNH PHỐ BẮC GIANG (Nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh)
Tên giao dịch thương mại: ECOHOME SÔNG THƯƠNG 2
(Định kiến giá căn hộ số 1289/2023/CV-TĐ ngày 12/11/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô)

STT	Đơn nguyên	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu Căn hộ	Diện tích Căn hộ	Loại hình	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (KI)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (KI) (Đã gồm VAT)
1	NOXH A	02	01	E1-0201	1	69.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
2	NOXH A	02	02	E1-0202	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
3	NOXH A	02	03	E1-0203	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
4	NOXH A	02	04	E1-0204	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
5	NOXH A	02	05	E1-0205	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
6	NOXH A	02	06	E1-0206	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
7	NOXH A	02	07	E1-0207	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
8	NOXH A	02	08	E1-0208	3B	65.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
9	NOXH A	02	09	E1-0209	3A	65.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
10	NOXH A	02	10	E1-0210	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
11	NOXH A	02	11	E1-0211	7	35.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
12	NOXH A	02	12	E1-0212	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
13	NOXH A	02	12A	E1-0212A	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
14	NOXH A	02	12B	E1-0212B	6	38.1	NOXH để bán	0.97	18,005,344
15	NOXH A	02	15	E1-0215	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
16	NOXH A	02	16	E1-0216	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
17	NOXH A	02	17	E1-0217	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
18	NOXH A	02	18	E1-0218	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
19	NOXH A	02	19	E1-0219	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
20	NOXH A	02	20	E1-0220	5	43.3	NOXH để bán	1.00	18,562,210
21	NOXH A	03	01	E1-0301	1	69.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
22	NOXH A	03	02	E1-0302	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
23	NOXH A	03	03	E1-0303	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
24	NOXH A	03	04	E1-0304	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
25	NOXH A	03	05	E1-0305	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
26	NOXH A	03	06	E1-0306	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
27	NOXH A	03	07	E1-0307	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
28	NOXH A	03	08	E1-0308	3B	65.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
29	NOXH A	03	09	E1-0309	3A	65.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
30	NOXH A	03	10	E1-0310	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
31	NOXH A	03	11	E1-0311	7	35.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
32	NOXH A	03	12	E1-0312	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
33	NOXH A	03	12A	E1-0312A	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
34	NOXH A	03	12B	E1-0312B	6	38.1	NOXH để bán	0.97	18,005,344
35	NOXH A	03	15	E1-0315	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
36	NOXH A	03	16	E1-0316	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
37	NOXH A	03	17	E1-0317	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
38	NOXH A	03	18	E1-0318	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
39	NOXH A	03	19	E1-0319	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
40	NOXH A	03	20	E1-0320	5	43.3	NOXH để bán	1.00	18,562,210
41	NOXH A	04	01	E1-0401	1	69.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
42	NOXH A	04	02	E1-0402	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
43	NOXH A	04	03	E1-0403	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
44	NOXH A	04	04	E1-0404	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
45	NOXH A	04	05	E1-0405	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
46	NOXH A	04	06	E1-0406	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
47	NOXH A	04	07	E1-0407	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
48	NOXH A	04	08	E1-0408	3B	65.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
49	NOXH A	04	09	E1-0409	3A	65.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
50	NOXH A	04	10	E1-0410	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
51	NOXH A	04	11	E1-0411	7	35.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
52	NOXH A	04	12	E1-0412	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
53	NOXH A	04	12A	E1-0412A	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
54	NOXH A	04	12B	E1-0412B	6	38.1	NOXH để bán	0.97	18,005,344
55	NOXH A	04	15	E1-0415	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
56	NOXH A	04	16	E1-0416	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
57	NOXH A	04	17	E1-0417	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
58	NOXH A	04	18	E1-0418	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
59	NOXH A	04	19	E1-0419	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
60	NOXH A	04	20	E1-0420	5	43.3	NOXH để bán	1.00	18,562,210
61	NOXH A	05	01	E1-0501	1	69.9	NOXH để bán	1.02	18,933,454
62	NOXH A	05	02	E1-0502	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
63	NOXH A	05	03	E1-0503	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
64	NOXH A	05	04	E1-0504	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
65	NOXH A	05	05	E1-0505	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
66	NOXH A	05	06	E1-0506	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
67	NOXH A	05	07	E1-0507	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
68	NOXH A	05	08	E1-0508	3B	65.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966

STT	Đơn nguyên	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu Căn hộ	Diện tích Căn hộ	Loại hình	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (KI)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (KI) (Đã gồm VAT)
69	NOXH A	05	09	E1-0509	3A	65.8	NOXH để bán	1.00	18,562,210
70	NOXH A	05	10	E1-0510	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
71	NOXH A	05	11	E1-0511	7	35.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
72	NOXH A	05	12	E1-0512	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
73	NOXH A	05	12A	E1-0512A	6	38.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
74	NOXH A	05	12B	E1-0512B	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
75	NOXH A	05	15	E1-0515	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
76	NOXH A	05	16	E1-0516	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
77	NOXH A	05	17	E1-0517	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
78	NOXH A	05	18	E1-0518	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
79	NOXH A	05	19	E1-0519	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
80	NOXH A	05	20	E1-0520	5	43.3	NOXH để bán	1.01	18,747,832
81	NOXH A	06	01	E1-0601	1	69.9	NOXH để bán	1.02	18,933,454
82	NOXH A	06	02	E1-0602	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
83	NOXH A	06	03	E1-0603	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
84	NOXH A	06	04	E1-0604	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
85	NOXH A	06	05	E1-0605	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
86	NOXH A	06	06	E1-0606	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
87	NOXH A	06	07	E1-0607	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
88	NOXH A	06	08	E1-0608	3B	65.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
89	NOXH A	06	09	E1-0609	3A	65.8	NOXH để bán	1.00	18,562,210
90	NOXH A	06	10	E1-0610	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
91	NOXH A	06	11	E1-0611	7	35.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
92	NOXH A	06	12	E1-0612	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
93	NOXH A	06	12A	E1-0612A	6	38.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
94	NOXH A	06	12B	E1-0612B	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
95	NOXH A	06	15	E1-0615	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
96	NOXH A	06	16	E1-0616	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
97	NOXH A	06	17	E1-0617	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
98	NOXH A	06	18	E1-0618	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
99	NOXH A	06	19	E1-0619	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
100	NOXH A	06	20	E1-0620	5	43.3	NOXH để bán	1.01	18,747,832
101	NOXH A	07	01	E1-0701	1	69.9	NOXH để bán	1.02	18,933,454
102	NOXH A	07	02	E1-0702	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
103	NOXH A	07	03	E1-0703	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
104	NOXH A	07	04	E1-0704	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
105	NOXH A	07	05	E1-0705	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
106	NOXH A	07	06	E1-0706	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
107	NOXH A	07	07	E1-0707	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
108	NOXH A	07	08	E1-0708	3B	65.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
109	NOXH A	07	09	E1-0709	3A	65.8	NOXH để bán	1.00	18,562,210
110	NOXH A	07	10	E1-0710	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
111	NOXH A	07	11	E1-0711	7	35.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
112	NOXH A	07	12	E1-0712	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
113	NOXH A	07	12A	E1-0712A	6	38.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
114	NOXH A	07	12B	E1-0712B	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
115	NOXH A	07	15	E1-0715	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
116	NOXH A	07	16	E1-0716	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
117	NOXH A	07	17	E1-0717	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
118	NOXH A	07	18	E1-0718	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
119	NOXH A	07	19	E1-0719	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
120	NOXH A	07	20	E1-0720	5	43.3	NOXH để bán	1.01	18,747,832
121	NOXH A	08	01	E1-0801	1	69.9	NOXH để bán	1.03	19,119,076
122	NOXH A	08	02	E1-0802	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
123	NOXH A	08	03	E1-0803	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
124	NOXH A	08	04	E1-0804	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
125	NOXH A	08	05	E1-0805	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
126	NOXH A	08	06	E1-0806	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
127	NOXH A	08	07	E1-0807	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
128	NOXH A	08	08	E1-0808	3B	65.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
129	NOXH A	08	09	E1-0809	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
130	NOXH A	08	10	E1-0810	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
131	NOXH A	08	11	E1-0811	7	35.1	NOXH để bán	1.00	18,562,210
132	NOXH A	08	12	E1-0812	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
133	NOXH A	08	12A	E1-0812A	6	38.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
134	NOXH A	08	12B	E1-0812B	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
135	NOXH A	08	15	E1-0815	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
136	NOXH A	08	16	E1-0816	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
137	NOXH A	08	17	E1-0817	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
138	NOXH A	08	18	E1-0818	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
139	NOXH A	08	19	E1-0819	2	65.2	NOXH để bán	1.06	19,675,943
140	NOXH A	08	20	E1-0820	5	43.3	NOXH để bán	1.02	18,933,454
141	NOXH A	09	01	E1-0901	1	69.9	NOXH để bán	1.03	19,119,076
142	NOXH A	09	02	E1-0902	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
143	NOXH A	09	03	E1-0903	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966

STT	Đơn nguyên	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu Căn hộ	Diện tích Căn hộ	Loại hình	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ I (KI)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ I (KI) (Đã gồm VAT)
144	NOXH A	09	04	E1-0904	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
145	NOXH A	09	05	E1-0905	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
146	NOXH A	09	06	E1-0906	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
147	NOXH A	09	07	E1-0907	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
148	NOXH A	09	08	E1-0908	3B	65.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
149	NOXH A	09	09	E1-0909	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
150	NOXH A	09	10	E1-0910	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
151	NOXH A	09	11	E1-0911	7	35.1	NOXH để bán	1.00	18,562,210
152	NOXH A	09	12	E1-0912	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
153	NOXH A	09	12A	E1-0912A	6	38.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
154	NOXH A	09	12B	E1-0912B	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
155	NOXH A	09	15	E1-0915	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
156	NOXH A	09	16	E1-0916	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
157	NOXH A	09	17	E1-0917	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
158	NOXH A	09	18	E1-0918	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
159	NOXH A	09	19	E1-0919	2	65.2	NOXH để bán	1.06	19,675,943
160	NOXH A	09	20	E1-0920	5	43.3	NOXH để bán	1.02	18,933,454
161	NOXH A	10	01	E1-1001	1	69.9	NOXH để bán	1.03	19,119,076
162	NOXH A	10	02	E1-1002	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
163	NOXH A	10	03	E1-1003	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
164	NOXH A	10	04	E1-1004	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
165	NOXH A	10	05	E1-1005	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
166	NOXH A	10	06	E1-1006	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
167	NOXH A	10	07	E1-1007	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
168	NOXH A	10	08	E1-1008	3B	65.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
169	NOXH A	10	09	E1-1009	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
170	NOXH A	10	10	E1-1010	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
171	NOXH A	10	11	E1-1011	7	35.1	NOXH để bán	1.00	18,562,210
172	NOXH A	10	12	E1-1012	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
173	NOXH A	10	12A	E1-1012A	6	38.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
174	NOXH A	10	12B	E1-1012B	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
175	NOXH A	10	15	E1-1015	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
176	NOXH A	10	16	E1-1016	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
177	NOXH A	10	17	E1-1017	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
178	NOXH A	10	18	E1-1018	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
179	NOXH A	10	19	E1-1019	2	65.2	NOXH để bán	1.06	19,675,943
180	NOXH A	10	20	E1-1020	5	43.3	NOXH để bán	1.02	18,933,454
181	NOXH A	11	01	E1-1101	1	69.9	NOXH để bán	1.03	19,119,076
182	NOXH A	11	02	E1-1102	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
183	NOXH A	11	03	E1-1103	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
184	NOXH A	11	04	E1-1104	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
185	NOXH A	11	05	E1-1105	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
186	NOXH A	11	06	E1-1106	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
187	NOXH A	11	07	E1-1107	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
188	NOXH A	11	08	E1-1108	3B	65.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
189	NOXH A	11	09	E1-1109	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
190	NOXH A	11	10	E1-1110	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
191	NOXH A	11	11	E1-1111	7	35.1	NOXH để bán	1.00	18,562,210
192	NOXH A	11	12	E1-1112	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
193	NOXH A	11	12A	E1-1112A	6	38.1	NOXH để bán	0.99	18,376,588
194	NOXH A	11	12B	E1-1112B	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
195	NOXH A	11	15	E1-1115	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
196	NOXH A	11	16	E1-1116	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
197	NOXH A	11	17	E1-1117	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
198	NOXH A	11	18	E1-1118	2	65.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
199	NOXH A	11	19	E1-1119	2	65.2	NOXH để bán	1.06	19,675,943
200	NOXH A	11	20	E1-1120	5	43.3	NOXH để bán	1.02	18,933,454
201	NOXH A	12	01	E1-1201	1	69.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
202	NOXH A	12	02	E1-1202	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
203	NOXH A	12	03	E1-1203	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
204	NOXH A	12	04	E1-1204	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
205	NOXH A	12	05	E1-1205	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
206	NOXH A	12	06	E1-1206	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
207	NOXH A	12	07	E1-1207	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
208	NOXH A	12	08	E1-1208	3B	65.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
209	NOXH A	12	09	E1-1209	3A	65.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
210	NOXH A	12	10	E1-1210	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
211	NOXH A	12	11	E1-1211	7	35.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
212	NOXH A	12	12	E1-1212	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
213	NOXH A	12	12A	E1-1212A	6	38.1	NOXH để bán	0.98	18,190,966
214	NOXH A	12	12B	E1-1212B	6	38.1	NOXH để bán	0.97	18,005,344
215	NOXH A	12	15	E1-1215	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
216	NOXH A	12	16	E1-1216	4	56.2	NOXH để bán	0.97	18,005,344
217	NOXH A	12	17	E1-1217	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
218	NOXH A	12	18	E1-1218	2	65.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454



STT	Đơn nguyên	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu Căn hộ	Diện tích Căn hộ	Loại hình	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
219	NOXH A	12	19	E1-1219	2	65.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
220	NOXH A	12	20	E1-1220	5	43.3	NOXH để bán	1.00	18,562,210
221	NOXH B	02	01	E2-0201	1	69.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
222	NOXH B	02	02	E2-0202	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
223	NOXH B	02	03	E2-0203	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
224	NOXH B	02	10	E2-0210	3B	65.8	NOXH để bán	0.94	17,448,477
225	NOXH B	02	11	E2-0211	4	56.2	NOXH để thuê	0.94	17,448,477
226	NOXH B	02	12	E2-0212	7	35.2	NOXH để thuê	0.93	17,262,855
227	NOXH B	02	12A	E2-0212A	4	56.2	NOXH để thuê	0.94	17,448,477
228	NOXH B	02	12B	E2-0212B	4	56.2	NOXH để thuê	0.94	17,448,477
229	NOXH B	02	15	E2-0215	6	38.1	NOXH để thuê	0.93	17,262,855
230	NOXH B	02	16	E2-0216	6	38.1	NOXH để thuê	0.93	17,262,855
231	NOXH B	02	17	E2-0217	7	34.9	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
232	NOXH B	02	18	E2-0218	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
233	NOXH B	02	19	E2-0219	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
234	NOXH B	02	20	E2-0220	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
235	NOXH B	02	21	E2-0221	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
236	NOXH B	02	22	E2-0222	2	65.3	NOXH để bán	1.04	19,304,698
237	NOXH B	02	23	E2-0223	2B	65.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
238	NOXH B	03	01	E2-0301	1	69.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
239	NOXH B	03	02	E2-0302	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
240	NOXH B	03	03	E2-0303	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
241	NOXH B	03	04	E2-0304	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
242	NOXH B	03	05	E2-0305	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
243	NOXH B	03	06	E2-0306	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
244	NOXH B	03	07	E2-0307	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
245	NOXH B	03	08	E2-0308	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
246	NOXH B	03	09	E2-0309	3A	65.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
247	NOXH B	03	10	E2-0310	3B	65.8	NOXH để bán	0.97	18,005,344
248	NOXH B	03	11	E2-0311	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
249	NOXH B	03	12	E2-0312	7	35.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
250	NOXH B	03	12A	E2-0312A	4	56.2	NOXH để bán	0.96	17,819,722
251	NOXH B	03	12B	E2-0312B	4	56.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
252	NOXH B	03	15	E2-0315	6	38.1	NOXH để thuê	0.95	17,634,100
253	NOXH B	03	16	E2-0316	6	38.1	NOXH để thuê	0.94	17,448,477
254	NOXH B	03	17	E2-0317	7	34.9	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
255	NOXH B	03	18	E2-0318	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
256	NOXH B	03	19	E2-0319	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
257	NOXH B	03	20	E2-0320	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
258	NOXH B	03	21	E2-0321	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
259	NOXH B	03	22	E2-0322	2	65.3	NOXH để bán	1.04	19,304,698
260	NOXH B	03	23	E2-0323	2B	65.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
261	NOXH B	04	01	E2-0401	1	69.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
262	NOXH B	04	02	E2-0402	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
263	NOXH B	04	03	E2-0403	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
264	NOXH B	04	04	E2-0404	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
265	NOXH B	04	05	E2-0405	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
266	NOXH B	04	06	E2-0406	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
267	NOXH B	04	07	E2-0407	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
268	NOXH B	04	08	E2-0408	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
269	NOXH B	04	09	E2-0409	3A	65.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
270	NOXH B	04	10	E2-0410	3B	65.8	NOXH để bán	0.97	18,005,344
271	NOXH B	04	11	E2-0411	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
272	NOXH B	04	12	E2-0412	7	35.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
273	NOXH B	04	12A	E2-0412A	4	56.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
274	NOXH B	04	12B	E2-0412B	4	56.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
275	NOXH B	04	15	E2-0415	6	38.1	NOXH để thuê	0.95	17,634,100
276	NOXH B	04	16	E2-0416	6	38.1	NOXH để thuê	0.94	17,448,477
277	NOXH B	04	17	E2-0417	7	34.9	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
278	NOXH B	04	18	E2-0418	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
279	NOXH B	04	19	E2-0419	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
280	NOXH B	04	20	E2-0420	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
281	NOXH B	04	21	E2-0421	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
282	NOXH B	04	22	E2-0422	2	65.3	NOXH để bán	1.04	19,304,698
283	NOXH B	04	23	E2-0423	2B	65.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
284	NOXH B	05	01	E2-0501	1	69.9	NOXH để bán	1.05	19,490,321
285	NOXH B	05	02	E2-0502	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
286	NOXH B	05	03	E2-0503	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
287	NOXH B	05	04	E2-0504	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
288	NOXH B	05	05	E2-0505	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
289	NOXH B	05	06	E2-0506	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
290	NOXH B	05	07	E2-0507	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832

STT	Đơn nguyên	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu Căn hộ	Diện tích Căn hộ	Loại hình	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (KI)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (KI) (Đã gồm VAT)
291	NOXH B	05	08	E2-0508	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
292	NOXH B	05	09	E2-0509	3A	65.8	NOXH để bán	1.00	18,562,210
293	NOXH B	05	10	E2-0510	3B	65.8	NOXH để bán	0.98	18,190,966
294	NOXH B	05	11	E2-0511	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
295	NOXH B	05	12	E2-0512	7	35.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
296	NOXH B	05	12A	E2-0512A	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
297	NOXH B	05	12B	E2-0512B	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
298	NOXH B	05	15	E2-0515	6	38.1	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
299	NOXH B	05	16	E2-0516	6	38.1	NOXH để thuê	0.95	17,634,100
300	NOXH B	05	17	E2-0517	7	34.9	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
301	NOXH B	05	18	E2-0518	4A	56.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
302	NOXH B	05	19	E2-0519	4A	56.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
303	NOXH B	05	20	E2-0520	2A	66.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
304	NOXH B	05	21	E2-0521	2A	66.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
305	NOXH B	05	22	E2-0522	2	65.3	NOXH để bán	1.05	19,490,321
306	NOXH B	05	23	E2-0523	2B	65.9	NOXH để bán	1.02	18,933,454
307	NOXH B	06	01	E2-0601	1	69.9	NOXH để bán	1.05	19,490,321
308	NOXH B	06	02	E2-0602	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
309	NOXH B	06	03	E2-0603	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
310	NOXH B	06	04	E2-0604	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
311	NOXH B	06	05	E2-0605	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
312	NOXH B	06	06	E2-0606	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
313	NOXH B	06	07	E2-0607	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
314	NOXH B	06	08	E2-0608	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
315	NOXH B	06	09	E2-0609	3A	65.8	NOXH để bán	1.00	18,562,210
316	NOXH B	06	10	E2-0610	3B	65.8	NOXH để bán	0.98	18,190,966
317	NOXH B	06	11	E2-0611	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
318	NOXH B	06	12	E2-0612	7	35.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
319	NOXH B	06	12A	E2-0612A	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
320	NOXH B	06	12B	E2-0612B	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
321	NOXH B	06	15	E2-0615	6	38.1	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
322	NOXH B	06	16	E2-0616	6	38.1	NOXH để thuê	0.95	17,634,100
323	NOXH B	06	17	E2-0617	7	34.9	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
324	NOXH B	06	18	E2-0618	4A	56.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
325	NOXH B	06	19	E2-0619	4A	56.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
326	NOXH B	06	20	E2-0620	2A	66.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
327	NOXH B	06	21	E2-0621	2A	66.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
328	NOXH B	06	22	E2-0622	2	65.3	NOXH để bán	1.05	19,490,321
329	NOXH B	06	23	E2-0623	2B	65.9	NOXH để bán	1.02	18,933,454
330	NOXH B	07	01	E2-0701	1	69.9	NOXH để bán	1.05	19,490,321
331	NOXH B	07	02	E2-0702	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
332	NOXH B	07	03	E2-0703	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
333	NOXH B	07	04	E2-0704	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
334	NOXH B	07	05	E2-0705	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
335	NOXH B	07	06	E2-0706	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
336	NOXH B	07	07	E2-0707	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
337	NOXH B	07	08	E2-0708	4	56.2	NOXH để bán	1.01	18,747,832
338	NOXH B	07	09	E2-0709	3A	65.8	NOXH để bán	1.00	18,562,210
339	NOXH B	07	10	E2-0710	3B	65.8	NOXH để bán	0.98	18,190,966
340	NOXH B	07	11	E2-0711	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
341	NOXH B	07	12	E2-0712	7	35.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
342	NOXH B	07	12A	E2-0712A	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
343	NOXH B	07	12B	E2-0712B	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
344	NOXH B	07	15	E2-0715	6	38.1	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
345	NOXH B	07	16	E2-0716	6	38.1	NOXH để thuê	0.95	17,634,100
346	NOXH B	07	17	E2-0717	7	34.9	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
347	NOXH B	07	18	E2-0718	4A	56.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
348	NOXH B	07	19	E2-0719	4A	56.8	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
349	NOXH B	07	20	E2-0720	2A	66.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
350	NOXH B	07	21	E2-0721	2A	66.2	NOXH để bán	1.04	19,304,698
351	NOXH B	07	22	E2-0722	2	65.3	NOXH để bán	1.05	19,490,321
352	NOXH B	07	23	E2-0723	2B	65.9	NOXH để bán	1.02	18,933,454
353	NOXH B	08	01	E2-0801	1	69.9	NOXH để bán	1.06	19,675,943
354	NOXH B	08	02	E2-0802	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
355	NOXH B	08	03	E2-0803	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
356	NOXH B	08	04	E2-0804	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
357	NOXH B	08	05	E2-0805	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
358	NOXH B	08	06	E2-0806	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
359	NOXH B	08	07	E2-0807	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
360	NOXH B	08	08	E2-0808	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
361	NOXH B	08	09	E2-0809	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
362	NOXH B	08	10	E2-0810	3B	65.8	NOXH để bán	0.98	18,190,966

95-
Y
N
VÀ
MẠI
HÀ

STT	Đơn nguyên	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu Căn hộ	Diện tích Căn hộ	Loại hình	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (KI)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (KI) (Đã gồm VAT)
363	NOXH B	08	11	E2-0811	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
364	NOXH B	08	12	E2-0812	7	35.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
365	NOXH B	08	12A	E2-0812A	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
366	NOXH B	08	12B	E2-0812B	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
367	NOXH B	08	15	E2-0815	6	38.1	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
368	NOXH B	08	16	E2-0816	6	38.1	NOXH để bán	0.96	17,819,722
369	NOXH B	08	17	E2-0817	7	34.9	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
370	NOXH B	08	18	E2-0818	4A	56.8	NOXH để thuê	0.99	18,376,588
371	NOXH B	08	19	E2-0819	4A	56.8	NOXH để thuê	0.99	18,376,588
372	NOXH B	08	20	E2-0820	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
373	NOXH B	08	21	E2-0821	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
374	NOXH B	08	22	E2-0822	2	65.3	NOXH để bán	1.06	19,675,943
375	NOXH B	08	23	E2-0823	2B	65.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
376	NOXH B	09	01	E2-0901	1	69.9	NOXH để bán	1.06	19,675,943
377	NOXH B	09	02	E2-0902	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
378	NOXH B	09	03	E2-0903	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
379	NOXH B	09	04	E2-0904	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
380	NOXH B	09	05	E2-0905	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
381	NOXH B	09	06	E2-0906	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
382	NOXH B	09	07	E2-0907	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
383	NOXH B	09	08	E2-0908	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
384	NOXH B	09	09	E2-0909	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
385	NOXH B	09	10	E2-0910	3B	65.8	NOXH để bán	0.98	18,190,966
386	NOXH B	09	11	E2-0911	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
387	NOXH B	09	12	E2-0912	7	35.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
388	NOXH B	09	12A	E2-0912A	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
389	NOXH B	09	12B	E2-0912B	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
390	NOXH B	09	15	E2-0915	6	38.1	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
391	NOXH B	09	16	E2-0916	6	38.1	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
392	NOXH B	09	17	E2-0917	7	34.9	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
393	NOXH B	09	18	E2-0918	4A	56.8	NOXH để thuê	0.99	18,376,588
394	NOXH B	09	19	E2-0919	4A	56.8	NOXH để thuê	0.99	18,376,588
395	NOXH B	09	20	E2-0920	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
396	NOXH B	09	21	E2-0921	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
397	NOXH B	09	22	E2-0922	2	65.3	NOXH để bán	1.06	19,675,943
398	NOXH B	09	23	E2-0923	2B	65.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
399	NOXH B	10	01	E2-1001	1	69.9	NOXH để bán	1.06	19,675,943
400	NOXH B	10	02	E2-1002	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
401	NOXH B	10	03	E2-1003	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
402	NOXH B	10	04	E2-1004	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
403	NOXH B	10	05	E2-1005	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
404	NOXH B	10	06	E2-1006	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
405	NOXH B	10	07	E2-1007	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
406	NOXH B	10	08	E2-1008	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
407	NOXH B	10	09	E2-1009	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
408	NOXH B	10	10	E2-1010	3B	65.8	NOXH để bán	0.98	18,190,966
409	NOXH B	10	11	E2-1011	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
410	NOXH B	10	12	E2-1012	7	35.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
411	NOXH B	10	12A	E2-1012A	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
412	NOXH B	10	12B	E2-1012B	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
413	NOXH B	10	15	E2-1015	6	38.1	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
414	NOXH B	10	16	E2-1016	6	38.1	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
415	NOXH B	10	17	E2-1017	7	34.9	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
416	NOXH B	10	18	E2-1018	4A	56.8	NOXH để thuê	0.99	18,376,588
417	NOXH B	10	19	E2-1019	4A	56.8	NOXH để thuê	0.99	18,376,588
418	NOXH B	10	20	E2-1020	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
419	NOXH B	10	21	E2-1021	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
420	NOXH B	10	22	E2-1022	2	65.3	NOXH để bán	1.06	19,675,943
421	NOXH B	10	23	E2-1023	2B	65.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
422	NOXH B	11	01	E2-1101	1	69.9	NOXH để bán	1.06	19,675,943
423	NOXH B	11	02	E2-1102	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
424	NOXH B	11	03	E2-1103	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
425	NOXH B	11	04	E2-1104	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
426	NOXH B	11	05	E2-1105	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
427	NOXH B	11	06	E2-1106	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
428	NOXH B	11	07	E2-1107	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
429	NOXH B	11	08	E2-1108	4	56.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
430	NOXH B	11	09	E2-1109	3A	65.8	NOXH để bán	1.02	18,933,454
431	NOXH B	11	10	E2-1110	3B	65.8	NOXH để bán	0.98	18,190,966
432	NOXH B	11	11	E2-1111	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
433	NOXH B	11	12	E2-1112	7	35.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
434	NOXH B	11	12A	E2-1112A	4	56.2	NOXH để thuê	0.98	18,190,966

STT	Đơn nguyên	Tầng	Số căn	Mã căn hộ	Ký hiệu Căn hộ	Diện tích Căn hộ	Loại hình	Hệ số điều chỉnh tại vị trí thứ i (Ki)	Giá bán căn hộ tại vị trí thứ i (Ki) (Đã gồm VAT)
435	NOXH B	11	12B	E2-1112B	4	56.2	NOXH để bán	0.98	18,190,966
436	NOXH B	11	15	E2-1115	6	38.1	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
437	NOXH B	11	16	E2-1116	6	38.1	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
438	NOXH B	11	17	E2-1117	7	34.9	NOXH để thuê	0.98	18,190,966
439	NOXH B	11	18	E2-1118	4A	56.8	NOXH để thuê	0.99	18,376,588
440	NOXH B	11	19	E2-1119	4A	56.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
441	NOXH B	11	20	E2-1120	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
442	NOXH B	11	21	E2-1121	2A	66.2	NOXH để bán	1.05	19,490,321
443	NOXH B	11	22	E2-1122	2	65.3	NOXH để bán	1.06	19,675,943
444	NOXH B	11	23	E2-1123	2B	65.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
445	NOXH B	12	01	E2-1201	1	69.9	NOXH để bán	1.04	19,304,698
446	NOXH B	12	02	E2-1202	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
447	NOXH B	12	03	E2-1203	4	56.2	NOXH để bán	0.99	18,376,588
448	NOXH B	12	04	E2-1204	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
449	NOXH B	12	05	E2-1205	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
450	NOXH B	12	06	E2-1206	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
451	NOXH B	12	07	E2-1207	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
452	NOXH B	12	08	E2-1208	4	56.2	NOXH để bán	1.00	18,562,210
453	NOXH B	12	09	E2-1209	3A	65.8	NOXH để bán	0.99	18,376,588
454	NOXH B	12	10	E2-1210	3B	65.8	NOXH để bán	0.97	18,005,344
455	NOXH B	12	11	E2-1211	4	56.2	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
456	NOXH B	12	12	E2-1212	7	35.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
457	NOXH B	12	12A	E2-1212A	4	56.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
458	NOXH B	12	12B	E2-1212B	4	56.2	NOXH để thuê	0.96	17,819,722
459	NOXH B	12	15	E2-1215	6	38.1	NOXH để thuê	0.95	17,634,100
460	NOXH B	12	16	E2-1216	6	38.1	NOXH để thuê	0.94	17,448,477
461	NOXH B	12	17	E2-1217	7	34.9	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
462	NOXH B	12	18	E2-1218	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
463	NOXH B	12	19	E2-1219	4A	56.8	NOXH để thuê	0.97	18,005,344
464	NOXH B	12	20	E2-1220	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
465	NOXH B	12	21	E2-1221	2A	66.2	NOXH để bán	1.02	18,933,454
466	NOXH B	12	22	E2-1222	2	65.3	NOXH để bán	1.04	19,304,698
467	NOXH B	12	23	E2-1223	2B	65.9	NOXH để bán	1.01	18,747,832
						26,060.90		1.00	

Ghi chú:

- Bảng giá bán được xác định cho toàn bộ các căn hộ của dự án để có thể điều chỉnh căn hộ bán, cho thuê nhà theo tình hình kinh doanh thực tế của dự án. Trong trường hợp điều chỉnh, chủ đầu tư sẽ đảm bảo tỷ lệ diện tích sàn sử dụng nhà ở xã hội cho thuê bằng tối thiểu 20% tổng diện tích sàn sử dụng nhà ở xã hội của dự án.
- Giá bán nhà ở xã hội (trước khi điều chỉnh hệ số tại vị trí thứ i (Ki): **18.562.210 đồng/m2 sử dụng dụng** (Mười tám triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm mười đồng trên một mét vuông sử dụng). Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và chưa bao gồm kinh phí bảo trì.
- Giá bán được điều chỉnh theo vị trí căn hộ bởi hệ số Ki đảm bảo nguyên tắc lợi nhuận thu được không vượt quá lợi nhuận định mức tính cho dự án.



PHỤ LỤC 02: THÔNG TIN ĐĂNG CÔNG KHAI DỰ ÁN
Dự án Khu nhà ở xã hội tại Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh trường Cao đẳng
ngành công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc
Giang, tỉnh Bắc Ninh)
(Đính kèm văn bản số **989** /2025/CV-TĐ ngày **12** /11/2025
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Khu nhà ở xã hội tại Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh).
- Tên giao dịch thương mại: EcoHome Sông Thương 2.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thủ Đô
- Địa điểm xây dựng dự án: Lô đất OXH tại Khu đất B4-1, B4-2 Khu số 1 thuộc Khu đô thị cạnh Trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt – Hàn, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang (nay là phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh).
- Tổng số căn hộ nhà ở xã hội: 467 căn (dự kiến gồm 361 căn để bán và 106 căn để cho thuê).

2. Thông tin công khai dự án

2.1 Thông tin công khai theo quy định:

Dự án đã được đăng công khai trên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của Bộ Xây dựng và trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Trang tin doanh nghiệp (Web CHG): <https://chgroup.vn/tai-lieu-cong-bo-thong-tin-du-an-ecohome-song-thuong/>
- Cổng thông tin Bộ Xây dựng: <https://bds.xaydung.gov.vn/CDT/Pages/TTDUAN.aspx>

2.2 Thông tin công khai khác:

- Địa chỉ phòng giao dịch: Lô LK38-13, đường Tây Yên Tử, KDT phía Nam, phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh
- Hotline dự án: 0963.919.186
- Trang fanpage: <https://www.facebook.com/share/17MFrJn3qk/?mibextid=wwXIfr>